

**TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT  
BAN HÀNH CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2021**

*(Phụ lục kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính)*

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
<b>A</b>	<b>CÁC Ý KIẾN CHUNG</b>		
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị có tính tới yếu tố đặc thù các cơ quan thuộc ngành thống kê có trụ sở tại các huyện đảo do điều kiện đi lại khó khăn, nhiều chi phí đắt đỏ hơn đất liền	Giữ như dự thảo, do: Định mức phân bổ chi quản lý hành chính được xây dựng theo quy mô biên chế của từng Bộ, cơ quan trung ương (đơn vị dự toán cấp 1), có tính theo phương pháp lũy thoái. Đối với các cơ quan ngành dọc (như Tổng cục Thống kê, TANDTC, VKSNDTC,...), việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cụ thể cho từng đơn vị sử dụng ngân sách cấp 3, cấp 4, trong đó có tính tới yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, là thẩm quyền của Bộ, cơ quan trung ương.
2	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Đề nghị xây dựng định mức theo chức vụ, chức danh (Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng cục trưởng,...)	Giữ như dự thảo, do: Định mức phân bổ chi quản lý hành chính được xây dựng để đảm bảo các hoạt động mang tính thường xuyên của các cơ quan tính bình quân theo mỗi biên chế, trong đó, nhiều nhiệm vụ chi chung không thể tính theo chức danh, như: điện, nước, vận hành trụ sở, chi khen thưởng...
	Các địa phương	Đề nghị bổ sung nguyên tắc đảm bảo dự toán chi không thấp hơn dự toán năm 2020	
3	Tỉnh Hòa Bình	Phân bổ thêm dân số ATK như vùng ĐBKK	Giữ như dự thảo do cơ bản dân số ATK là thuộc vùng ĐBKK
4	Tỉnh Hải Dương, Nam Định	Phân bổ tăng tối thiểu 30%	Giữ như dự thảo do theo khả năng cân đối ngân sách
5	Tỉnh Quảng Nam	ĐVHC huyện, xã cao hơn bình quân cả nước thì được hỗ trợ thêm	
6	Tỉnh Bạc Liêu	Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tất cả các lĩnh vực đảm bảo tăng ít nhất 15% so với năm 2017	
7	Tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị cần có mức tăng tương ứng với tốc độ tăng thu	
8	Tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị cho tăng dân số 0,65%	
9	Tỉnh Điện Biên	Tăng thêm mức tăng trung bình các sự nghiệp tối thiểu ở mức 25%.	
10	Tỉnh Nghệ An	Bổ sung chỉ khen thưởng thành một tiêu chí riêng hoặc phải tăng mức phân bổ theo tiêu chí tương ứng để các địa phương bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ này	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ chi bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
11	Tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị không quy định “cứng” chỉ tiêu giao dự toán như quy định tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Quyết định: “ <i>Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021 ban hành kèm theo Quyết định này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định...</i> ”	Giữ như dự thảo để đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN
12	Tỉnh Quảng Ninh, Phú Yên	Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu điều chỉnh tăng tối thiểu 40%.	Giữ như dự thảo do theo khả năng cân đối ngân sách
12	Tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung do ảnh hưởng trượt giá	

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
13	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị tăng mức phân bổ dân số cho các địa phương khó khăn	Giữ như dự thảo do đã ưu tiên cho dân số vùng ĐBKK, khó khăn được phân bổ cao hơn
14	Tỉnh An Giang	Đề nghị tăng vùng đồng bằng 1,2; vùng còn lại 1,1; vùng khó khăn 1,5; vùng ĐBKK 2 lần	
<b>B</b>	<b>Ý KIẾN THAM GIA CỤ THỂ</b>		
	<b>Chương I</b>		
<b>I</b>	<b>ĐỐI VỚI LĨNH VỰC CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>		
	<i>Về phạm vi định mức</i>		
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư:	Đề nghị không quy định định mức chi thường xuyên đã bao gồm chi ứng dụng CNTT	Giữ như dự thảo, do: Phạm vi định mức các giai đoạn trước không quy định cụ thể định mức chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, thực tế, trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được giao, các Bộ, cơ quan đã triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ nhiệm vụ thường xuyên (ví dụ: các hệ thống thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản, xây dựng website cơ quan,...) từ nhiều năm nay, không phải nhiệm vụ mới phát sinh. Định mức phân bổ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được xây dựng trên cơ sở nền dự toán chi thường xuyên giai đoạn trước, trong đó, đã bao gồm các nhiệm vụ chi ứng dụng CNTT. Việc bổ sung nội dung “chi ứng dụng CNTT” trong phạm vi định mức chỉ để làm rõ hơn về nội hàm, thuận tiện trong tổ chức thực hiện.
		Đề nghị điều chỉnh về câu, từ đối với nội dung liên quan tới các cuộc điều tra thống kê	Tiếp thu
2	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Đề nghị bố trí ngoài định mức đối với các nhiệm vụ: chi đoàn ra đoàn vào, chi thông tin tuyên truyền liên lạc, chi ứng dụng CNTT	Giữ như dự thảo, do đây là các nhiệm vụ chi thường xuyên mang tính chất chung của các Bộ, cơ quan trung ương, đã kết cấu trong định mức phân bổ chi thường xuyên từ các giai đoạn trước
3	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Đề nghị liệt kê chi tiết các nhiệm vụ chi đặc thù	Giữ như dự thảo, do trong dự thảo đã liệt kê chi tiết các nhiệm vụ trong/ngoài định mức
<b>II</b>	<b>ĐỐI VỚI CÁC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP</b>		

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
1	Văn phòng Quốc hội	Đề nghị bổ sung quy định khống chế mức trần hỗ trợ như quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định số 46/2017/QĐ- TTg: “ <i>Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên ...Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù và chi hoạt động thường xuyên được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế...</i> ”.	Tiếp thu, thể hiện trong dự thảo như sau: “ <i>Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: được vận dụng không quá định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế</i> ”
		Khống chế mức trần hỗ trợ chi đặc thù: ví dụ như chi nhuận bút được hỗ trợ từ ngân sách bằng bao nhiêu lần Quỹ lương...	Giữ như dự thảo, do: Dự thảo định mức phân bổ chi thường xuyên chỉ quy định theo nguyên tắc chung. Các chế độ, mức chi cụ thể của từng nhiệm vụ sẽ được hướng dẫn tại các Văn bản QPPL khác, không quy định cụ thể trong định mức
2	Bộ Giao thông vận tải	Đối với các đơn vị sự nghiệp: Hiện có một số dịch vụ sự nghiệp công đang thực hiện theo phương thức “giao nhiệm vụ” (chưa thể thực hiện đặt hàng, đấu thầu được như: dịch vụ tìm kiếm cứu nạn hàng hải; dịch vụ đào tạo, dạy nghề...). Do vậy, đề nghị bổ sung thêm phương thức “giao nhiệm vụ” tại khổ cuối điểm a, mục 5.1.2 và sửa lại là: “ <i>Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện <b>giao nhiệm vụ</b>, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định</i> ” (cho phù hợp với thực tế và thống nhất với quy định tại Điều 6, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên)	Tiếp thu
	<b>CHƯƠNG II</b>		
	<b>Điều 3</b>		
	<b>Khoản 2</b>		
1	Thành phố Đà Nẵng	Xem xét mức lương theo NQ 27	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ chi bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
	<b>Điều 4</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị xem xét sửa đổi thành: “ <i>Dân số của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2021 xác định theo số liệu do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cung cấp</i> ”.	Giữ như dự thảo để đảm bảo thống nhất về dân số giữa các địa phương do Tổng cục Thống kê cung cấp đến 01/4/2019 cũng như đồng bộ với nguyên tắc lấy dân số thời điểm này để xây dựng định mức phân bổ vốn đầu tư thuộc NSNN
	<b>Khoản 2</b>		
	<b>Khoản 3</b>		

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị sửa lại như sau: “ <i>giao Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định phân giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập <b>theo lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công</b> để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách do trung ương ban hành trên địa bàn</i> ”.	Giữ như dự thảo
	<b>Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
1	Tỉnh Thái Bình, Bạc Liêu, Bình Phước, Hà Tĩnh, Phú Yên, Tiền Giang, Hậu Giang; An Giang	1. Tỷ lệ chi khác 80-20 hoặc giữ ổn định 82-18	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do đang đề xuất tỷ lệ chi khác 83-17 đã thể hiện sự ưu tiên so với QĐ 46 (Căn cứ tốc độ tăng lương giai đoạn 2017-2020 là 32% và trượt giá CPI là 15%, quy đổi tỷ lệ chi khác/chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương là 16/84)
	Tỉnh Thái Bình	2. Đề nghị định mức phân bổ theo tiêu chí dân số đối với trẻ trong độ tuổi đến trường từ 6 tháng - 18 tuổi để tạo điều kiện phát triển giáo dục mầm non.	
3	Tỉnh Điện Biên	Đề nghị đảm bảo cơ cấu chi quỹ lương/chi khác tối thiểu là 80/20 hoặc cơ chế hỗ trợ đặc thu cho các tỉnh biên giới miền núi	
4	Tỉnh Nghệ An	Tỷ lệ chi khác 20%	
5	Tỉnh Hà Giang	Đồng thời đề nghị xem xét lại quy định: “ <i>Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2021, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2021 - 2025 giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương</i> ”.	Giữ nguyên như dự thảo do định mức phân bổ xác định cho năm 2017, các năm trong thời kỳ ổn định, địa phương quyết định tỷ lệ này theo khả năng ngân sách và điều kiện thực tế
6	Tỉnh Hậu Giang	Đề nghị bổ sung để thực hiện nâng lương hàng năm	Giữ nguyên như dự thảo.
7	Tỉnh Cà Mau	Đề nghị bổ sung 5% tổng quỹ lương và hoạt động, ngoài mức chi khác 83-17	Giữ nguyên như dự thảo do khả năng cân đối ngân sách
	<b>Khoản 2</b>		
1	Tỉnh Nghệ An	Bổ sung nhiệm vụ “ <i>đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện</i> ”	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
2	Tỉnh Bình Phước	Bổ sung chế độ đối với nhà giáo giảng dạy người khuyết tật theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP	
		Kinh phí đảm bảo thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông	
		Hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP	

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
		Hỗ trợ chi đối với công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Thông tư số 07/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”;	
3	Tỉnh Sóc Trăng	Bổ sung kinh phí dạy và học ngoại ngữ	
4	Tỉnh Bắc Giang	Bổ sung kinh phí đào tạo cán bộ ban chỉ huy cấp xã theo Quyết định số 799/QĐ-TTg; Chế độ bồi dưỡng và trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao; Hỗ trợ giáo viên ghép lớp	
	<b>Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</b>		
1	Tỉnh Nghệ An	Bổ sung tiêu chí phụ về hỗ trợ các trường Đại học do địa phương quản lý	Giữ nguyên như dự thảo do các trường này là ĐVSN có thu, đảm bảo nhiệm vụ chi. Đồng thời, QĐ 46 đã không còn tiêu chí này
2	Tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị hỗ trợ thêm 50 tỷ đồng thực hiện nhiệm vụ chính trị trong đối ngoại với nước CHDCND Lào	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách; đối với nhiệm vụ chi đặc thù của địa phương do NSDP đảm bảo
	<b>Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
1	Tỉnh Hải Dương; Đồng Tháp	Bổ sung kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng là người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
2	Tỉnh Sơn La	Đề nghị bổ sung đối tượng được hỗ trợ BHXH tự nguyện	
	<b>Khoản 2</b>		
1	Tỉnh Tuyên Quang	Điều chỉnh giảm tương ứng 20% đối với định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế	Giữ nguyên như dự thảo do hiện nay BHYT đã tiến tới bao phủ toàn dân, kinh phí khám chữa bệnh từ nguồn BHYT. Hơn nữa, định mức chi để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương để xây dựng định mức phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi
2	Tỉnh Hòa Bình, Trà Vinh	Tăng mức phân bổ SN Y tế	
3	Tỉnh Hải Dương, Phú Yên, Cà Mau	Giữ nguyên định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như năm 2017 do giá viện phí năm 2020 mặc dù đã kết cấu đủ các chi phí tuy nhiên NSDP vẫn phải tiếp tục hỗ trợ cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị c	
4	Tỉnh Quảng Trị	Định mức bằng khoảng 80-90% so với 2017	
5	Tỉnh Thanh Hóa	Giữ nguyên định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như năm 2017	
		Bổ sung tiếp chi quỹ khám chữa bệnh người nghèo chiếm ít nhất 30% y tế dự phòng	
		Chi bảo dưỡng trang thiết bị y tế và tăng cường cơ sở vật chất	
6	Tỉnh Điện Biên	Nâng mức hỗ trợ đặc thù với những tỉnh miền núi biên giới có nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh thấp	
7	Tỉnh Nghệ An, Tiền Giang, An Giang	Giữ nguyên như định mức 46	

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
8	Tỉnh Bình Phước	Giữ nguyên định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg	
9	Tỉnh Quảng Ninh	Giữ nguyên như định mức 46	
10	Tỉnh Hà Tĩnh	xem xét, hỗ trợ phân kinh phí chênh lệch so với định mức phân bổ năm 2017 cho các địa phương có tỷ lệ (từ 50% trở lên) hưởng trợ cấp cân đối từ ngân sách trung ương để tạo điều kiện giúp địa phương có thêm nguồn kinh phí thực hiện đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế và chi một số nội dung cấp thiết khác.	
11	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị xem xét điều chỉnh tăng định mức theo tiêu chí dân số đối với vùng ĐBKK và vùng khó khăn đạt khoảng 90% so với định mức của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020	
	<b>Điều 10. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính</b>		
1	Tỉnh Tuyên Quang	Bổ sung định mức phân bổ đối với các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
2	Tỉnh Thái Bình	Bổ sung thêm tiêu chí phân bổ thực hiện chính sách đảng theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW, 29-QĐ/TW	
3	Tỉnh Bắc Giang	Vùng ĐBKK ưu tiên 2 lần, vùng khó khăn 1,5 lần	
	<b>Khoản 1</b>		Giữ như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
1	Tỉnh Hòa Bình	1. Xã vùng còn lại mức 800 trđ	
2	Tỉnh Hải Dương	Tăng mức phân bổ từ 600 triệu đồng/xã lên 1.000 triệu đồng/xã, các xã miền núi, vùng dân tộc, hải đảo... từ mức 1.000 triệu đồng/xã lên 1.300 triệu đồng/xã	
3	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị nâng định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã vùng ĐB DTTS, miền núi và hải đảo lên thành 3.000 triệu đồng/huyện và 1.500 triệu đồng/xã	
	<b>Khoản 3</b>		
	Tỉnh Hòa Bình	10 đơn vị hành chính được phân bổ thêm 5%	
	Tỉnh Bạc Liêu	Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số đơn vị hành chính cấp huyện dưới 10 đơn vị được bổ sung thêm 10% định mức phân bổ theo tiêu chí dân số	
	Tỉnh Thanh Hóa	Có trên 25 ĐVHC cấp huyện, 500 cấp xã được phân bổ thêm 5% định mức dân số	
	Tỉnh Điện Biên	Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số đơn vị hành chính cấp huyện dưới 10 đơn vị được bổ sung thêm 10% định mức phân bổ theo tiêu chí dân số	
	Tỉnh Hà Giang; Đồng Tháp	Sửa đổi thành “ <i>Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số đơn vị hành chính cấp huyện dưới 15 đơn vị được bổ sung thêm 5% định mức phân bổ theo tiêu chí dân số</i> ”.	

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	<b>Khoản 4</b>		
1	Tỉnh Thái Bình, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Điện Biên, Bình Phước, Hà Giang, Hà Tĩnh, Tiền Giang, Hậu Giang, An Giang, Cà Mau, Bắc Giang	Giữ nguyên tỷ lệ chi khác 75-25	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
5	Tỉnh Nghệ An	Tỷ lệ chi khác 30%	
		Giữ nguyên mức hỗ trợ đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ quan chuyên môn đặc thù	Giữ nguyên như dự thảo do các địa phương phải thực hiện tiết kiệm, sát nhập bộ máy, giảm chi QLHC
6	Tỉnh Bình Phước; Trà Vinh, An Giang	Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các cơ quan chuyên môn đặc thù như: Sở Ngoại vụ; Ban Dân tộc ở cấp tỉnh được phân bổ thêm theo mức 2.040 triệu đồng/cơ quan cấp tỉnh như quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg	
		Hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo Thông tư số 63/2017/TT-BTC	
		Hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
		Hỗ trợ kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	
7	Tỉnh Phú Yên	Tỷ lệ chi khác 35%	
8	Tỉnh Hậu Giang	Bổ sung kinh phí đặc thù cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp	Giữ nguyên như dự thảo do địa phương phải thực hiện tiết kiệm, giảm chi QLHC
9	Tỉnh Bắc Giang	Tính thêm biên chế Hợp đồng, biên chế các hội; phụ cấp thù lao người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo; tặng huy hiệu Đảng	
	<b>Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
	Tỉnh Thanh Hóa	Tăng mức gấp 2 lần so với QĐ 46	Giữ nguyên như dự thảo do định mức chỉ để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa
	Tỉnh Hà Giang	Tăng 1,7 lần so với QĐ 46	
		Đề nghị bổ sung định mức chi ứng dụng CNTT trong quản lý để đảm bảo nguồn lực thực hiện Chính phủ số và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
	<b>Khoản 2</b>		
	Tỉnh Hòa Bình	1. Tăng mức phân bổ 1.000 triệu đồng/ đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và 400 triệu đồng/đội thông tin lưu động” 2. Tăng mức hỗ trợ điểm du lịch lên 7.000 triệu đồng	Giữ nguyên như dự thảo do khả năng cân đối ngân sách

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính	
	Tỉnh Bắc Ninh	Bổ sung thêm tiêu chí địa phương có di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO công nhận		
	Tỉnh Thái Bình	Bổ sung tiêu chí đối với địa phương có di tích lịch sử quốc gia đặc biệt		
	Tỉnh Quảng Nam	Địa phương có di sản văn hóa thế giới và Đô thị du lịch được phân bổ thêm cho khu di sản, đô thị du lịch, mức cao hơn dự thảo		
	Tỉnh Sơn La	Hỗ trợ 1.000 trđ/đoàn nghệ thuật và 500 trđ/đội thông tin		
		Tăng mức hỗ trợ khu du lịch quốc gia lên 10.000 trđ		
	Tỉnh Thanh Hóa	Đoàn nghệ thuật hỗ trợ 2.000 đến 3.000 trđ/năm		
		Đô thị du lịch hỗ trợ 3.000 trđ/năm		
		Tỉnh có di sản văn hóa thế giới (Thành Nhà Hồ-Thanh Hóa); di sản quốc gia đặc biệt 4 tỷ đồng/di sản. Di sản văn hóa phi vật thể được phân bổ 2.000 trđ/di sản. Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia 1.000 trđ/năm		
	Tỉnh Nghệ An	Bổ sung tiêu chí phụ: “ Phân bổ thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, mức hỗ trợ 5.000 triệu đồng/di sản”.		
	Tỉnh Nghệ An, An Giang	Nâng mức hỗ trợ “Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có khu, điểm du lịch quốc gia được hỗ trợ 3.000 triệu đồng/khu, điểm du lịch quốc gia” lên mức 5.000 triệu đồng/khu		
	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị xem xét có định mức riêng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có khu, điểm du lịch quốc gia		
	Tỉnh Ninh Bình	Hỗ trợ di sản văn hóa thế giới, di sản thiên nhiên 7.000 trđ		
	<b>Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</b>			
	<b>Khoản 1</b>			
	Tỉnh Hòa Bình	Tăng định mức dân số đối với vùng ĐBKK	Giữ nguyên như dự thảo do định mức chi để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương để xây dựng định mức phù hợp với tình hình	
	Tỉnh Thanh Hóa	Tăng mức 1,5 lần so với QĐ 46		
	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị điều chỉnh tăng định mức theo tiêu chí dân số đối với vùng ĐBKK		
	<b>Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
	<b>Khoản 1</b>			
	Tỉnh Hòa Bình	Tăng định mức dân số đối với vùng ĐBKK	Giữ nguyên như dự thảo do định mức chi để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương để xây dựng định mức phù hợp với tình hình	
	Tỉnh Thanh Hóa	Tăng mức 1,5 lần so với QĐ 46		
	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị tăng định mức theo tiêu chí dân số đối với Vùng ĐBKK và khó khăn lên bằng 130%		



TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Tỉnh Tiền Giang	Nâng mức 40% so với QĐ 46	
	<b>Khoản 2</b>		
	Tỉnh Hòa Bình	Đề nghị điều chỉnh "... được bổ sung thêm phụ cấp ưu đãi hàng tháng đối với các vận động viên đạt đẳng cấp Kiện tướng Quốc gia, vận động viên Cấp I quốc gia".	Giữ nguyên như dự thảo do tiếp tục kế thừa QĐ 46
	<b>Điều 14. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
	<b>Tỉnh Đồng Tháp</b>	Nâng định mức vùng còn lại lên 45.000 đ	Giữ như dự thảo do khả năng cân đối ngân sách
	<b>Khoản 2</b>		
1	Tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị quy định rõ số ngày lễ, tết thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách	Giữ như dự thảo do địa phương căn cứ chế độ và thực tế của địa phương để hỗ trợ thăm hỏi gia đình chính sách. Định mức phân bổ chi để xác định tổng chi
		Đồng thời bổ sung kinh phí hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020
2	Tỉnh Hải Dương	Bổ sung thêm chính sách chi thưởng cho bà mẹ được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng; chính sách trợ cấp một lần người có thành tích tham gia kháng chiến	Giữ nguyên như dự thảo do chính sách phát sinh thực tế theo đối tượng, xác định mức hỗ trợ riêng từng năm theo số đối tượng được cấp có thẩm quyền khen thưởng
3	Tỉnh Nam Định	Bổ sung thêm hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng BTXH	Giữ nguyên như dự thảo do chính sách phát sinh thực tế theo đối tượng, xác định mức hỗ trợ riêng từng năm theo số đối tượng được hưởng mai táng phí
4	Tỉnh Thái Bình	1. Đề nghị bổ sung thêm gia đình thuộc diện chính sách: gia đình người hoạt động kháng chiến, người hoạt động cách mạng, cán bộ lão thành cách mạng, công an bị tai nạn nghề nghiệp. 2. Đề nghị bổ sung thêm tiêu chí Quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi	Tiêu chí này được xác định trên cơ sở đối tượng hiện hành quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, kế thừa quy định tại Quyết định số 46
5	Tỉnh Sơn La	Sửa "kinh phí thực hiện chính sách cho hộ nghèo" thành "kinh phí thực hiện hỗ trợ hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của TTTC	Giữ nguyên như dự thảo
6	Tỉnh Thanh Hóa	Tính có nghĩa trang quốc tế 1.000 trđ/năm	Giữ nguyên như dự thảo do đây chỉ là đặc thù của địa phương
7	Tỉnh Ninh Thuận	Đề nghị quy định rõ hỗ trợ cơ sở bảo trợ công lập hay ngoài công lập	Tiếp thu
		Hỗ trợ định xuất hợp đồng nuôi dưỡng	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020, trong đó có chính sách BTXH
7	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị xem xét nâng mức phân bổ/cơ sở bảo trợ xã hội từ 500 triệu đồng/cơ sở lên mức 1.000 triệu đồng/cơ sở để có thêm kinh phí thực hiện chính sách, nhiệm vụ bảo trợ xã hội ở địa phương	Giữ nguyên như dự thảo do khả năng cân đối ngân sách
8	Tỉnh Bắc Giang	Tính thêm mai táng phí của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc; trợ cấp hàng tháng cho thành niên xung phong	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020, trong đó có chính sách BTXH
	<b>Điều 15. Định mức phân bổ chi quốc phòng</b>		

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính	
	<b>Khoản 1</b>			
	Tỉnh Thái Bình, Bắc Giang	Thực hiện đầy đủ chế độ phụ cấp, trợ cấp và ngày công huấn luyện theo Luật Dân quân tự vệ, Pháp lệnh công an xã, Bảo vệ tổ dân phố tính đủ chế độ theo quy định hiện hành. Phần còn lại mới phân bổ theo tiêu chí dân số.	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 31/5/2020	
	Tỉnh Quảng Trị	Bổ sung tiêu chí cho địa phương có dân quân tự vệ biển		
	Tỉnh Quảng Trị, Hậu Giang, Bạc Liêu	Tăng thêm định mức	Giữ nguyên như dự thảo do định mức chi để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương để xây dựng định mức phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi	
	Tỉnh Thanh Hóa	Tăng định mức 4 lần so với QĐ 46		
	Tỉnh Đắk Lắk	Tăng mức 50% so với QĐ 46		
	Tỉnh Tiền Giang	Tăng mức 3,2 lần so với QĐ 46		
	Tỉnh Phú Yên	Tăng mức 180% so với QĐ 46		
	Tỉnh Cà Mau	Nâng mức hỗ trợ xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh		
	<b>Khoản 2</b>			
	Tỉnh Sơn La	Tỉnh giáp Lào, Campuchia được phân bổ thêm 50,000 trđ	Giữ nguyên như dự thảo do đã phân bổ hỗ trợ xã biên giới theo khả năng cân đối ngân sách	
	Tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh có biên giới được hỗ trợ 15 tỷ đồng; huyện biên giới hỗ trợ 3 tỷ đồng		
	Tỉnh Điện Biên	Đề nghị hỗ trợ các huyện biên giới mỗi huyện/đảo: 2.000 triệu đồng/huyện/năm, huyện có 2 đường biên giới quốc gia: 3.000 triệu đồng/huyện/năm phục vụ hoạt động ngoại giao, chính trị, văn hoá giữa 2 huyện thuộc 2 nước.		
	Tỉnh Bình Phước	Bổ sung chi đối ngoại an ninh - quốc phòng cho các tỉnh giáp biên với 2 tỉnh nước bạn.		
		Chi Xây dựng và huấn luyện dự bị động viên theo quy định của Luật Dự bị động viên số 53/2019/QH14		
	Tỉnh Hà Tĩnh	Hỗ trợ bổ sung thêm nguồn kinh phí cho các địa phương có địa bàn phức tạp về vấn đề tôn giáo, địa phương có Khu kinh tế Vũng Áng (Với mức: 20 tỷ đồng/huyện/năm; 10 tỷ đồng/xã/năm		
	Tỉnh Hà Giang	Mỗi xã biên giới đất liền được phân bổ 3.000 triệu đồng/xã; 2.000 triệu đồng/huyện biên giới		
		Bổ sung tiêu chí định mức phân bổ theo số km đường biên giới, để đảm bảo hợp lý giữa các địa phương có số xã, huyện biên giới ít nhưng tuyến đường biên giới dài, nhu cầu kinh phí thực hiện công tác bảo vệ đường tuần tra, cột mốc biên giới lớn.		
	<b>Điều 16. Định mức phân bổ chi an ninh</b>			
	<b>Khoản 1</b>			

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Tỉnh Quảng Trị, Bạc Liêu, Đắk Lắk, Phú Yên, Cà Mau	Tăng định mức	Giữ nguyên như dự thảo do định mức chỉ để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương để xây dựng định mức phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi
	Tỉnh Quảng Nam	Bổ sung thêm cho địa phương có biển, bờ biển, đường quốc lộ, nhiều di sản văn hóa	Giữ nguyên như dự thảo do định mức phân bổ theo dân số đã đã tính đủ chế độ chính sách đến 31/5/2020
	<b>Khoản 2</b>		
1	<b>Tỉnh Bắc Giang</b>	Bổ sung thêm trang phục Pháp lệnh công an xã	Giữ nguyên như dự thảo do định mức phân bổ theo dân số đã đã tính đủ chế độ chính sách đến 31/5/2020
2	Tỉnh Ninh Bình	Di sản thiên nhiên thế giới 10 tỷ đồng; điểm du lịch quốc gia 2 tỷ đồng	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
	<b>Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>		
1	<b>Tỉnh Sóc Trăng</b>	Đề nghị tác riêng sự nghiệp khoa học và lĩnh vực công nghệ thông tin	Giữ nguyên như dự thảo theo đúng quy định của Luật NSNN
	<b>Điều 18. Mức phân bổ chi hoạt động kinh tế</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
1	Tỉnh Tuyên Quang	1. Bổ sung định mức phân bổ theo nhiệm vụ hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường địa phương quản lý thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Giữ nguyên như dự thảo do không đủ cơ sở dữ liệu về đường của địa phương cũng như định mức kinh tế kỹ thuật để phân bổ
		2. Bổ sung kinh phí Quỹ BTĐB	Giữ nguyên như dự thảo do kinh phí bảo trì đường bộ tiếp tục kế thừa giai đoạn trước, sẽ bổ sung hàng năm cho NSDP
		3. Điều chỉnh định mức theo mức tăng của đô thị loại IV đảm bảo tính công bằng giữa các loại đô thị trên địa bàn.	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
3	Tỉnh Thái Bình	1. Bổ sung đối với địa phương có Khu kinh tế	
		2. Tăng định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế để có nguồn xử lý các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn	
4	Tỉnh Quảng Nam	1. Bổ sung thêm cho địa phương có biển, bờ biển, đường quốc lộ, nhiều di sản văn hóa	
		2. Bổ sung thêm địa phương địa phương điều tiết cũng được bổ sung kinh phí nâng cấp đô thị	
5	Tỉnh Sơn La	Đô thị loại IV từ 16.800 trđ lên 22.000 trđ; loại V từ 8.400 trđ lên 18,000 trđ	
6	Tỉnh Thanh Hóa	Bổ sung tiêu chí sửa chữa, nâng cấp gia cố hệ thống đê điều	
		Hỗ trợ địa phương trồng lúa lớn lên mức 600.000 đ/ha	

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
7	Tỉnh Nghệ An	Nâng từ mức 30 triệu đồng/Km lên 50 triệu đồng/Km duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới đất liền	
8	Tỉnh Bình Phước	Đề nghị điều chỉnh điểm b khoản 1 như sau: Kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 và diện tích tăng bình quân theo kế hoạch 05 năm (từ 2021-2025) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”	
9	Tỉnh Hà Giang	Nâng mức 40 triệu đồng/Km đối với duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới	
		Đề nghị tăng định mức phân bổ đối với đô thị loại III, IV, V	
10	Tỉnh Bến Tre	Đề nghị tăng thêm 15% định mức đầu dân số	
11	Tỉnh Đồng Tháp	Nâng mức 100 triệu đồng/Km đối với duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới	
		Nâng mức hỗ trợ diện tích lúa lớn 1 trđ/ha	
12	Tỉnh Cà Mau	Giữ mức phân bổ 10%	
	<b>Khoản 2</b>		
1	Tỉnh Bạc Liêu	Nâng định mức đối với tỉnh dân số thấp, khó khăn	
2	Tỉnh Điện Biên	Bổ sung thêm tiêu chí đối với quản lý đường giao thông nội địa do địa phương quản lý.	
3	Tỉnh Nghệ An	Tăng thêm 20% so với mức dự thảo đề	
4	Tỉnh Bình Phước	Đề nghị bổ sung chỉ tiêu về kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; Kinh phí quản lý rừng đặc dụng áp dụng cho giai đoạn 2021-2025	
5	Tỉnh Quảng Ninh	Tăng tiếp 40% so với dự thảo	
6	Tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung thêm quy định cụ thể tỷ lệ % trên tổng chi thường xuyên để các địa phương có căn cứ phân bổ thực hiện	
	<b>Điều 19. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>		
	<b>Khoản 1</b>		
1	Tỉnh Tuyên Quang	Xem xét sử dụng số liệu diện tích rừng tự nhiên theo số liệu thực hiện năm 2020	Giữ nguyên như dự thảo do không có cơ quan cung cấp số liệu 2020 tại thời điểm xây dựng định mức
2	Tỉnh Hải Dương	Tính tỷ lệ (%) chi cho sự nghiệp môi trường trong tổng mức chi ngân sách địa phương	Giữ nguyên như dự thảo do tiếp tục kế thừa QĐ 46
3	Tỉnh Quảng Trị	Điều chỉnh giảm hệ số dân số đô thị giữa các vùng, mật độ dân số	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
4	Tỉnh Thanh Hóa	Tăng định mức 2,5 đến 3 lần	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
5	Tỉnh Nghệ An, Hà Giang	Nâng mức phân bổ trên cơ sở tổng dự toán chi sự nghiệp môi trường của NSNN, trong đó NSTW 10%, NSDP 90%	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
6	Tỉnh Ninh Thuận	Đề nghị phân bổ cho từng lĩnh vực thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường	Giữ nguyên như dự thảo tổng chi SNMT đã bao gồm nhiệm vụ chi này
7	Tỉnh Quảng Ninh	Đề nghiên cứu thay đổi lại phương pháp xây dựng định mức phân bổ sự nghiệp môi trường tại Điều 19 quy định ban hành kèm theo dự thảo Quyết định theo dân số đồng thời có tính đến các yếu tố phân bổ theo tỷ trọng giá trị GRDP ngành công nghiệp và xây dựng trên địa bàn từng tỉnh	Giữ nguyên như dự thảo do tiếp tục kế thừa QĐ 46
		Riêng đối với các địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản thì bổ sung hệ số nhân hai đối với giá trị sản xuất công nghiệp khai khoáng sản do nhu cầu chi cho công tác bảo vệ môi trường	Không tiếp thu do về nguyên tắc số thu phí BVMT KTKS được cân đối NSDP 100% và ưu tiên chi hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa bàn cấp xã, cấp huyện nơi thực tế diễn ra hoạt động KTKS. Nếu phân bổ 100% số thu thì nhiều địa phương tăng chi thường xuyên lớn, trong khi nhu cầu chi đầu tư cao lại không có nguồn
8	Tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung thêm quy định cụ thể tỷ lệ % trên tổng chi thường xuyên để các địa phương có căn cứ phân bổ thực hiện	Giữ nguyên như dự thảo do tiếp tục kế thừa QĐ 46
9	Tỉnh Hậu Giang	Đề nghị tiêu chí gọn gàng, dễ hiểu	Giữ nguyên như dự thảo do tiếp tục kế thừa QĐ 46
10	Tỉnh An Giang	Tăng hệ số về dân số	
	<b>Khoản 2</b>		
1	Tỉnh Hải Dương, Thanh Hóa, Hà Giang	Phân bổ 100% phí BVMT KTKS	Không tiếp thu do về nguyên tắc số thu phí BVMT KTKS được cân đối NSDP 100% và ưu tiên chi hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa bàn cấp xã, cấp huyện nơi thực tế diễn ra hoạt động KTKS. Nếu phân bổ 100% số thu thì nhiều địa phương tăng chi thường xuyên lớn, trong khi nhu cầu chi đầu tư cao lại không có nguồn
2	Tỉnh Hà Giang	Dự toán thu để xác định dự toán chi tương ứng đề nghị lấy theo dự toán TW giao thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản năm 2018	Giữ nguyên như dự thảo do dự toán 2020 được cấp có thẩm quyền giao
	<b>Điều 20. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương</b>		
	Tỉnh Thái Bình, Bến Tre, Kiên Giang	Phân bổ mức 1% chi khác	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
	Tỉnh Quảng Nam	Bổ sung thêm cho các tỉnh có biên giới đất liền để thực hiện nhiệm vụ quan hệ địa phương nước bạn	Giữ nguyên như dự thảo do đã phân bổ cho xã biên giới tại lĩnh vực chi an ninh, quốc phòng
	Tỉnh Quảng Ninh	Phân bổ mức 3% chi khác	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
	Tỉnh Kiên Giang	Đề nghị bổ sung thêm 1% để chi khen thưởng	
	Tỉnh An Giang	Phân bổ mức 2% chi khác	

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	<b>Điều 21. Đối với những địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp</b>		
1	Tỉnh Thái Bình	Bổ sung thêm định mức phụ	Giữ nguyên như dự thảo
2	Tỉnh Ninh Thuận	Tăng tỷ lệ hỗ trợ	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
3	Tỉnh Hà Giang	Đề nghị TW quy định cụ thể tiêu chí và định mức đối với những địa phương khó khăn và tiêu chí đối với những địa phương có dân số thấp	Giữ nguyên như dự thảo
4	Tỉnh Đồng Tháp	Nâng mức hỗ trợ ĐBSCL 15%	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
	<b>Điều 22. Đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương</b>		
1	Tỉnh Nghệ An	Đề nghị quy định thêm nội dung trong kỳ ổn định ngân sách 2021-2025 các tỉnh nằm ngoài 5 tỉnh, thành phố hiện nay được công nhận trực thuộc Trung ương thì việc phân bổ, điều tiết ngân sách được thực hiện như thế nào?.	Tỉnh có tỷ lệ điều tiết về NSTW được xác định ngay năm đầu tiên thời kỳ ổn định ngân sách. Trong thời kỳ ổn định ngân sách không phát sinh thêm tỉnh có điều tiết. Hơn nữa Điều 22 đã quy định tỷ lệ điều tiết để xác định là theo tỷ lệ giai đoạn 2017-2020
2	Thành phố Đà Nẵng, Đồng Nai	Tăng thêm định mức phân bổ theo tỷ lệ %	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
3	Tỉnh Quảng Ninh	Tăng thêm 5% so với dự thảo	
	<b>Điều 23. Dự phòng ngân sách</b>		
	<b>Điều 24. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách</b>		
	Khoản 1		
	Khoản 2		
	Khoản 3		
1	Tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị tăng mức hỗ trợ đối với đối tượng thành lập mới	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách